

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HS-PT

Ngày: 17 - 3 - 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Văn Tú;

2. Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 60/2023/TLPT-HS ngày 07/2/2023, đối với bị cáo Vũ Đức T và 12 bị cáo khác, về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Đức T, sinh năm: 1985 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức P và bà Phạm Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H (hiện đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 15/12/2003, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 335/2010/HSPT ngày 22/10/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 249/2014/HSPT ngày 07/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt các bản án và đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm: 2000 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn QT1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 06/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Đặng Thị P (đã chết); bị cáo có vợ là Hoàng Thị Quỳnh N và 01 con sinh năm 2022; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HS-ST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 12/01/2020; tiền sự: Ngày 21/5/2019, bị Công an huyện Krông Ana ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi gây thương tích, đã nộp phạt vào ngày 23/11/2021; về nhân thân: Ngày 31/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng (Quyết định số 01/2019/QĐ-TA). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đinh Đăng T2, sinh năm: 1996 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Đăng Đ và bà Bùi Thị Hồng T; tiền án: không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPHC ngày 03/02/2021 của Công an thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đã xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt vào ngày 03/02/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Lương Văn Q, sinh năm: 1987 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn B và bà Vũ Thị T; bị cáo có vợ là Lại Thị Phương T và 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Tại Quyết định khởi tố bị can số 70/QĐ-CQĐT, ngày 07/01/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã khởi tố Lương Văn Q về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Duy H, sinh năm: 1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy A và bà Vũ Thị N; bị cáo có vợ là Trương Thị Cẩm T (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt Nguyễn Duy H 03 năm tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/3/2021, đến ngày 07/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Viết T3, sinh năm: 1988 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn QT2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết N và bà Đỗ Thị P; bị cáo có vợ là Hồ Thanh V và 02 con, con

lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, đã xử phạt Nguyễn Viết T7 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt; tiền sự: Ngày 05/10/2020, bị Công an huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 06/11/2020). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

7. Dương Quốc Đ1, sinh năm: 1985 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đ2 và bà Nguyễn Thị Q; bị cáo có vợ là Phan Hương T và 02 con cùng sinh năm 2011; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST, ngày 01/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, đã xử phạt Dương Quốc Đ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 01/6/2020 nhưng chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Văn D, sinh năm: 1998 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Văn H1, sinh năm: 1980 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Phùng Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bích T (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 01/8/2008, bị Công an huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”, bị cáo đã nộp phạt vào ngày 28/8/2008. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Phong C, sinh năm: 1985 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T (đã chết) và bà Chu Thị H; bị cáo có vợ là Đặng Thị Ngọc D và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2014/HSST, ngày 22/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 10 tháng cải tạo không

giám giữ về tội “Đánh bạc”; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 312/2017/HS-PT, ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HS-ST ngày 25/11/2022, của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/3/2021, đến ngày 07/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

11. Phạm Ngọc T4, sinh năm: 1991 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc M và bà Đặng Thị Ngọc H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2015/HSST, ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/3/2021, đến ngày 07/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

12. Lê Thanh D1, sinh năm: 1984 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân M (đã chết) và bà Lưu Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST, ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, đã xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích; về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2014/HSST, ngày 02/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 312/2017/HS-PT, ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/3/2021, đến ngày 07/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn H2, sinh năm: 1983 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn G và bà Trương Thị H; bị cáo có vợ là Lâm Thị Diệu T (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST, ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, đã xử phạt Nguyễn H 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong hình phạt. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 09 bị cáo khác, gồm: Nguyễn Nhật Q1, Nguyễn Văn C, Lê Ngọc K, Đinh Chí M2, Nguyễn Thanh T5, Lê Công H3,

Hoàng Anh Đ2, Đinh Phan T6 và Trịnh Công S, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình sinh sống tại địa phương, Nguyễn Nhật Q1 nhận thấy có nhiều người thích đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa và có nhu cầu tìm địa điểm để đánh bạc với nhau. Do đó, vào khoảng thời gian cuối tháng 3/2021, Q1 đã liên hệ với Vũ Đức T nhờ T chuẩn bị địa điểm để tổ chức đánh bạc, tiền công sau mỗi buổi đánh bạc Q1 trả cho T là 1.000.000 đồng. Q1 liên hệ với Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1 và Đinh Đăng T2 tham gia cùng với Q1 để tổ chức cho những người khác đến tham gia đánh bạc để thu tiền xâu, thì T, C1, T2 và T1 đồng ý. Sau đó, Q1 thỏa thuận phân công nhiệm vụ cho T tìm địa điểm tổ chức đánh bạc; T1 và T2 có nhiệm vụ chở những người đánh bạc đến địa điểm tổ chức đánh bạc, đồng thời làm nhiệm vụ canh gác, khi phát hiện Công an thì điện thoại cho Q1 để giải tán sòng bạc, sau mỗi buổi đánh bạc Q1 trả công cho T1 và T2 mỗi người 500.000 đồng; còn C1 được Q1 giao nhiệm vụ chuẩn bị các vật dụng phục vụ đánh bạc như bài Tú lơ khơ, dụng cụ đục vị, chén đĩa, chiếu..., C1 còn có nhiệm vụ thu tiền xâu khi diễn ra đánh bạc sau đó chuyển toàn bộ tiền thu được cho Q1, việc thu xâu được quy ước khi ván nào có kết quả 03 mặt đen và 01 mặt trắng thì C1 sẽ thu 50.000 đồng/1.000.000 đồng tổng số tiền đặt cược bên thắng, sau mỗi buổi đánh bạc C1 phải giao lại cho Q1 tiền xâu, được Q1 trả tiền công là 1.000.000 đồng. Sòng bạc hoạt động ngày 27 và 28/3/2021 thì bị bắt quả tang, trong đó ngày 27/3/2021, Q1 thu được 6.000.000 đồng tiền xâu, Q1 đã trả tiền công cho T và C1, mỗi người 1.000.000 đồng, trả cho T2 và T1, mỗi người 500.000 đồng, còn Q1 hưởng lợi được 3.000.000 đồng.

Vào chiều ngày 27/3/2021, Q1 trao đổi với T và nói T tìm địa điểm để chiều ngày 28/3/2021 tổ chức đánh bạc, thì T đồng ý và thống nhất với Q1 địa điểm là nhà chị Lê Thị Bích N (là người yêu của T) tại Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/3/2021, Q1 gọi điện nói C1 đưa các dụng cụ dùng cho việc đánh bạc gồm bài tú lơ khơ, dụng cụ đục vị, bát (chén), đĩa, chiếu đến nhà chị N để tổ chức đánh bạc và làm nhiệm vụ thu tiền xâu tại sòng bạc; gọi điện thoại cho T1 và T2 đến ngã ba QT, thuộc thôn QT 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để chở những người đánh bạc từ ngã ba QT đến địa điểm đánh bạc và làm nhiệm vụ canh giới sòng bạc. Được sự chỉ đạo của Q1, T2 và T1 đã chở các đối tượng Lê Thanh D1, Lê Ngọc K, Nguyễn Việt T3, Nguyễn Phong C, Lê Văn D, Phạm Ngọc T4, Nguyễn Thanh T5, Hoàng Anh Đ2, Dương Quốc Đ, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Lê Công H3, Nguyễn H2, Trần Văn H1, Đinh Phan T6, Trịnh Công S và Vũ Trọng Đ3 đến địa điểm đánh bạc. Sau đó, C1 trải chiếu và đưa bát, đĩa, con vị cho các con bạc chơi đánh bạc. Khi các con bạc bắt đầu chơi thì Q1 để các con bạc phân công người xóc đĩa và chung chi tiền thắng thua sau mỗi ván đặt cược (thường gọi là Hồ Lỳ). Bắt đầu là Trịnh Công S thực hiện xóc cái, sau đó chuyển cho Lê Thanh D1 xóc cái để cho Nguyễn Việt T3, Nguyễn

Phong C, Lê Văn D, Phạm Ngọc T4, Hoàng Anh Đ2, Dương Quốc Đ, Đinh Chí M, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Lê Công H3, Nguyễn H2, Trần Văn H1, Vũ Trọng Đ3 đặt cược tiền trên chiếu bạc theo hai cửa chắn và lẻ; còn Lê Ngọc K làm cái Senko; Đinh Phan T6 làm “Hò Lý” còn Nguyễn Thanh T5 thì đầu tư tiền cho một số con bạc tham gia đánh bạc chơi để kiếm lợi nhuận. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 70.170.000 đồng và một số vật dụng phục vụ việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc.

Hình thức đánh xóc đĩa và cách thắng, thua được quy định như sau: Những người tham gia chơi sẽ có một người đứng ra làm cái, những người còn lại là người đặt cược, đầu tiên người xóc cái sẽ bỏ 4 con con vị được cắt thành hình tròn từ bộ bài tú lơ khơ 52 lá vào cái đĩa sành và lấy cái chén sành úp lại, sau đó người cầm cái xóc bộ chén đĩa cho con vị bên trong thay đổi rồi đặt xuống chiếu bạc. Chiếu bạc được chia thành 2 cửa, đó là cửa chắn và cửa lẻ cho những người tham gia chơi đặt cược. Đặt cược chắn, lẻ thì tỷ lệ thắng cược là 1:1. Nếu người chơi đặt tiền ở cửa chắn và kết quả ra là chắn thì người chơi thắng, nếu người chơi đặt tiền ở cửa chắn nhưng kết quả ra là lẻ thì người chơi thua và ngược lại. Kết quả là chắn khi 04 con vị xuất hiện các trường hợp sau: 04 mặt trắng; 04 mặt đen hoặc 02 mặt trắng; 02 mặt đen. Kết quả lẻ khi 04 con vị xuất hiện trong các trường hợp sau: 01 mặt trắng và 03 mặt đen hoặc 03 mặt trắng và 01 mặt đen. Hình thức đánh senkô và cách thức thắng, thua được quy định như sau: Tại bàn Senkô người chơi có thể đặt cược tỉ lệ của các con vị khi mở chén, nếu con vị là 03 đen, 01 trắng hoặc 03 trắng, 01 đen thì tỷ lệ người chơi thắng cược là 1:2,5, còn con vị thể hiện 04 trắng hoặc 04 đen thì tỷ lệ người chơi thắng cược là 1:9.

Trong quá trình đánh bạc, Đinh Chí M mang theo số tiền 25.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, Mão thắng được 6.700.000 đồng; Lương Văn Q mang theo số tiền 60.000.000 đồng, sử dụng 10.000.000 đồng để đánh bạc, kết quả Q đang thua 9.750.000 đồng; Vũ Trọng Đ3 mang theo số tiền 28.500.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc và thua hết số tiền trên; Lê Ngọc K mang theo số tiền 10.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền trên để làm cái senkô, kết quả K đang thắng 3.800.000 đồng; Lê Văn D mang theo số tiền 2.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, kết quả D thua hết số tiền trên; Nguyễn Viết T3 mang theo số tiền 3.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, kết quả T3 thua hết số tiền trên; Nguyễn Phong C mang theo số tiền 30.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, kết quả C đang thua 4.600.000 đồng; Phạm Ngọc T4 mang theo số tiền 13.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, kết quả T4 đang thua số tiền 1.500.000 đồng; Hoàng Anh Đ2 mang theo số tiền 10.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, kết quả Đ2 thắng được 3.500.000 đồng; Dương Quốc Đ mang theo số tiền 500.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc, kết quả Đ thua hết số tiền trên; Nguyễn Duy H mang theo số tiền 8.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Sau khi thua hết tiền H mượn của Nguyễn Thanh T5 số tiền 10.000.000 đồng, kết quả H thua thêm 3.100.000 đồng; Lê Công H3 mang theo số tiền 21.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc. Sau khi thua hết

tiền H3 mượn của Nguyễn Thanh T5 số tiền 40.000.000 đồng, kết quả H3 thua hết số tiền trên; Nguyễn H2 mang theo số tiền 4.000.000 đồng và sử dụng để đánh bạc, kết quả H2 thắng được 200.000 đồng; Trần Văn H1 mang theo số tiền 2.600.000 đồng để đánh bạc, kết quả H1 thua 2.000.000 đồng; Nguyễn Thanh T5 mang theo số tiền 58.200.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên để cho những người tham gia đánh bạc vay, trong đó T5 cho Nguyễn Duy H vay 10.000.000 đồng, cho Lê Công H3 vay 40.000.000 đồng; Lê Thanh D1 mang theo số tiền 2.700.000 đồng nhưng không sử dụng số tiền trên để đánh bạc mà tham gia xóc cái để hưởng hoa hồng từ các con bạc và Trịnh Công S không mang theo tiền để đánh bạc mà tham gia xóc cái để hưởng hoa hồng từ các con bạc.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ vật chứng gồm: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 70.170.000 đồng; thu giữ trên người các bị cáo số tiền sử dụng để đánh bạc là 120.050.000 đồng và thu giữ các đồ vật, dụng cụ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

I. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1 và Đinh Đăng T2 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Dương Quốc Đ, Lê Văn D, Trần Văn H1, Nguyễn Phong C, Phạm Ngọc T4, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2 phạm tội “Đánh bạc”.

II. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

1. Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Vũ Đức T** 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021.

2. Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đinh Đăng T2** 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lương Văn Q** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy H** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 07/4/2021.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Viết T3** 03 năm

tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56; Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 06 ngày tù mà bị cáo chưa chấp hành tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HS-ST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 06 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021.

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Dương Quốc Đ** 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Văn D** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Văn H1** 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021.

10. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phong C** 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 07/4/2021.

11. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T4** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 07/4/2021.

12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Thanh D1** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 07/4/2021.

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn H2** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021, đến ngày 25/8/2021.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Nhật Q1, Nguyễn Văn C1, Lê Ngọc K, Đinh Chí M, Nguyễn Thanh T5, Lê Công H3, Hoàng Anh Đ2, Đinh Phan T6 và Trịnh Công S; quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 19, 21, 22, 23, 26 và 28/12/2022, các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết

T2, Dương Quốc Đ, Nguyễn Phong C, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2 có đơn kháng cáo, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Đinh Đăng T2, Trần Văn H1, Phạm Ngọc T4 và Lê Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Trước khi bắt đầu phiên tòa và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Trần Văn H1, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2, đã có đơn rút toàn bộ Đơn kháng cáo.

Đối với các bị cáo Đinh Đăng T2, Dương Quốc Đ, Nguyễn Phong C, Phạm Ngọc T4 và Lê Văn D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1 và Đinh Đăng T2, về tội “Tổ chức đánh bạc” theo các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự; xét xử các bị cáo Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Dương Quốc Đ, Lê Văn D, Trần Văn H1, Nguyễn Phong C, Phạm Ngọc T4, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2, về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đảm bảo đúng người, đúng tội. Trước khi bắt đầu phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Trần Văn H1, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2, đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo đã rút kháng cáo. Về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo có kháng cáo, cụ thể: Bị cáo Đinh Đăng T2 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Phong C 03 năm 03 tháng tù, bị cáo Dương Quốc Đ 03 năm 03 tháng tù, là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã thực hiện, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo T2, C và Đ là không có cơ sở chấp nhận. Về mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo Phạm Ngọc T4 và 03 năm tù đối với bị cáo Lê Văn D, là thỏa đáng; bị cáo D đã có thời gian tham gia quân ngũ, phục vụ trong Quân đội, là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là thiếu sót; xét thấy, bị cáo T4 và bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Trần Văn H1, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Đăng T2, Nguyễn Phong C và Dương Quốc Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đinh Đăng T2 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong C 03 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Quốc Đ 03 năm 03 tháng tù.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T4 và bị cáo Lê Văn D, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T4 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn D 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì và đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trước khi bắt đầu phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Trần Văn H1, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2, đã có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy, việc các bị cáo rút đơn kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo Đinh Đăng T2, Dương Quốc Đ, Nguyễn Phong C, Phạm Ngọc T4 và Lê Văn D tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 28/3/2022, tại nhà của bà Lê Thị Bích N, thuộc Buôn R, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Đinh Đăng T2 và Nguyễn Nhật Q1, Vũ Đức T, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T1 đã chuẩn bị địa điểm, công cụ và tổ chức cho các bị cáo Nguyễn Phong C, Phạm Ngọc T4, Lê Văn D và các đối tượng Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Dương Quốc Đ, Lê Thanh D1, Trần Văn H1, Nguyễn H2 cùng nhiều người khác đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng

ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 70.170.000 đồng và thu giữ trên người các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 120.050.000 đồng, nên tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 190.220.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đinh Đăng T2 về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự và xét xử các bị cáo Nguyễn Phong C, Dương Quốc Đ, Lê Văn D và Phạm Ngọc T4, về tội “Đánh bạc”, theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[3] Đối với kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Đinh Đăng T2: Khi được Nguyễn Nhật Q1 khởi xướng và rủ rê cùng tham gia việc tổ chức sòng bạc để thu tiền xâu, thì bị cáo đã tham gia với vai trò tích cực; tính chất, mức độ hành vi của bị cáo là nguy hiểm và tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc; đồng thời, bị cáo T2 đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”, nên cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo giáo dục bị cáo; về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Đinh Đăng T2 01 năm 06 tháng tù, là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện. Do đó kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, là không có căn cứ chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đinh Đăng T2.

[3.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Dương Quốc Đ và bị cáo Nguyễn Phong C, xét thấy: Bị cáo Đ đã có tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích và lại tiếp tục phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, do đó mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; bị cáo C có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về tội “Đánh bạc” và sử dụng số tiền lớn để đánh bạc, tính chất thắng thua cao (bị cáo sử dụng 30.000.000 đồng để đánh bạc), mặc dù bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là người phạm tội đã lập công chuộc tội (có xác nhận của Công an tỉnh Đắk Lắk). Tuy nhiên, mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng, nên không có cơ sở xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã xem xét, cân nhắc và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Dương Quốc Đ và bị cáo Nguyễn Phong C. Do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Quốc Đ và bị cáo Nguyễn Phong C, là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T4 và bị cáo Lê Văn D, xét thấy: Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Phạm Ngọc T4 03 năm tù và đối với bị cáo Lê Văn D 03 năm tù, là phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm buộc cách ly các bị cáo với xã hội là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo T4 đã có công đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn huyện K năm 2021 và có công hỗ trợ, giúp Công an tỉnh Đ trong công tác phòng chống

tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (có Văn bản xác nhận của Công an tỉnh Đ); sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo D đã cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo đã tham gia phục vụ trong Quân đội (nhập ngũ tháng 02/2017, xuất ngũ ngày 21/01/2019). Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Xét thấy, bị cáo Phạm Ngọc T4 và bị cáo Lê Văn D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính trong gia đình, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo, để các bị cáo tự cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp. Như vậy cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành những công dân tốt. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T4 và bị cáo Lê Văn D, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Đinh Đăng T2, Dương Quốc Đ và Nguyễn Phong C không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Phạm Ngọc T4 và Lê Văn D được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Trần Văn H1, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2; Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2022/HS-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo Vũ Đức T, Nguyễn Văn T1, Lương Văn Q, Nguyễn Duy H, Nguyễn Viết T3, Trần Văn H1, Lê Thanh D1 và Nguyễn H2 có hiệu lực pháp luật.

[2] Căn cứ: Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Đăng T2, Dương Quốc Đ và Nguyễn Phong C; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với các bị cáo Đinh Đăng T2, Dương Quốc Đ và Nguyễn Phong C.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Ngọc T4 và Lê Văn D; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Phạm Ngọc T4 và Lê Văn D.

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Đăng T2 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Dương Quốc Đ, Nguyễn Phong C, Phạm Ngọc T4 và Lê Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

[3] Về hình phạt:

3.1. Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Đăng T2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Quốc Đ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2021 đến ngày 25/8/2021.

3.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong C 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 28/3/2021 đến ngày 07/4/2021.

3.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T4 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc T4 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc

người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đinh Đăng T2, Dương Quốc Đ và Nguyễn Phong C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Ngọc T4 và bị cáo Lê Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND huyện Krông Ana;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Công an huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn B, huyện K;
- UBND xã Q, huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình